

Số: 398/QĐ-CĐKTCN

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 2) năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-CĐKTCN ngày 20 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc quy định mức thu học phí hệ Cao đẳng và Trung cấp theo tín chỉ từ năm học 2022-2023 đến 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-CĐKTCN ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phê duyệt danh sách sinh viên đăng ký tín chỉ học tập học kỳ I năm học 2025-2026 hệ Cao đẳng (liên thông từ Trung cấp) khóa 19;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-CĐKTCN ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phê duyệt danh sách sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 2) năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Tài chính:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 2) năm học 2025-2026 cho **149** sinh viên (SV), với tổng số tiền: **667.656.200 đồng**, cụ thể như sau:

- Miễn 100% học phí học kỳ I (đợt 2) năm học 2025-2026 cho **01** SV, với số tiền: **4.122.000 đồng** (có danh sách kèm theo);

- Giảm 70% học phí học kỳ I (đợt 2) năm học 2025-2026 cho **148** SV, với số tiền: **663.534.200 đồng** (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Chế độ miễn, giảm học phí đối với sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3: Trưởng phòng Quản trị chất lượng - Học sinh, sinh viên; Trưởng phòng Tổ chức - Tài chính; Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại **Điều 1** căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (VBĐT);
- Cổng thông tin HSSV;
- Lưu: VT, QTCL-HSSV, TC-TC (02b).

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Văn Lực

DANH SÁCH MIỄN HỌC PHÍ HỌC KÌ I (ĐỢT 2) NĂM HỌC 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 398/QĐ-CDKTCN ngày 11 tháng 11 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C	D	E	F	G	H=F*G	I
1	LTCNTT19A04	Giang Công Anh	11/03/2004	CĐLT-CNTT19	18	229.000	4.122.000	Sinh viên là người khuyết tật
Tổng: 01							4.122.000	

Danh sách này có 01 sinh viên

DANH SÁCH GIẢM HỌC PHÍ HỌC KÌ I (ĐỢT 2) NĂM HỌC 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 398/QĐ-CDKTCN ngày 11 tháng 11 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
1	LTCBMA19A01	Đỗ Quốc Đạt		27/08/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
2	LTCBMA19A02	Dương Thành Đạt		18/01/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
3	LTCBMA19A03	Nguyễn Tấn Dũng		15/04/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
4	LTCBMA19A04	Trần Thị Thu Hằng		21/12/2006	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
5	LTCBMA19A05	Lê Quang Hợp		14/01/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
6	LTCBMA19A06	Lê Võ Việt Hưng		12/12/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
7	LTCBMA19A07	Bùi Duy Anh Khôi		20/10/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
8	LTCBMA19A08	Trần Minh Nghĩa		30/05/2006	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
9	LTCBMA19A09	Lê Như Nhân		12/11/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
10	LTCBMA19A10	Nguyễn Minh Nhân		04/03/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
11	LTCBMA19A11	Bùi Thị Yến Nhi		02/07/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
12	LTCBMA19A12	Nguyễn Hoàng Phú		17/10/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
13	LTCBMA19A13	Phạm Châu Phúc		27/10/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
14	LTCBMA19A14	Nguyễn Nữ Kiệt Tâm		27/07/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
15	LTCBMA19A15	Tiên Minh Thảo		11/07/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
16	LTCBMA19A16	Trương Trần Chí Thiện		25/03/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
17	LTCBMA19A17	Thái Thị Huệ Thu		19/03/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
18	LTCBMA19A18	Nguyễn Thanh Thư		11/09/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
19	LTCBMA19A19	Nguyễn Hoài Thương		01/08/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
20	LTCBMA19A20	Võ Trung Tín		05/10/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
21	LTCBMA19A21	Nguyễn Thị Phương Trâm		30/07/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
22	LTCBMA19A22	Huỳnh Hoàng Khánh	Trân	30/10/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
23	LTCBMA19A23	Trần Lê Huyền	Trang	20/04/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
24	LTCBMA19A24	Ngô Phi	Trường	07/03/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
25	LTCBMA19A26	Lò Hoàng	Vương	01/02/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
26	LTCBMA19A27	Bùi Trần Phương	Vy	07/10/2007	CĐLT-CBMA19	20	224.000	3.136.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
27	LTCBTP19A01	Lê Chi	Linh	01/09/2007	CĐLT-CBTP19	18	239.000	3.011.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
28	LTCBTP19A02	Nguyễn Thanh	Lộc	09/07/2007	CĐLT-CBTP19	18	239.000	3.011.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
29	LTCBTP19A03	Nguyễn Hoài	Nam	05/11/2007	CĐLT-CBTP19	18	239.000	3.011.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
30	LTCBTP19A04	Nguyễn Thảo Như	Quỳnh	28/11/2007	CĐLT-CBTP19	18	239.000	3.011.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
31	LTCBTP19A07	Trịnh Trần Minh	Thư	05/02/2005	CĐLT-CBTP19	18	239.000	3.011.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
32	LTCBTP19A05	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	12/07/2007	CĐLT-CBTP19	18	239.000	3.011.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
33	LTCBTP19A06	Trần Đăng	Tú	25/09/2006	CĐLT-CBTP19	18	239.000	3.011.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
34	LTCGKL19A01	Trần Lê Minh	Đương	21/03/2007	CĐLT-CGKL19	18	258.000	3.250.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
35	LTCGKL19A02	Phan Huy	Hiếu	27/01/2007	CĐLT-CGKL19	18	258.000	3.250.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
36	LTCGKL19A03	Hồ Hoàng	Huy	30/09/2007	CĐLT-CGKL19	18	258.000	3.250.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
37	LTCGKL19A04	Lê Vương Thái	Khang	23/06/2007	CĐLT-CGKL19	18	258.000	3.250.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
38	LTCGKL19A05	Nguyễn Như	Minh	05/12/2007	CĐLT-CGKL19	18	258.000	3.250.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
39	LTCGKL19A06	Võ Anh	Tú	02/04/2007	CĐLT-CGKL19	18	258.000	3.250.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
40	LTCGKL19A07	Lê Sơn	Tùng	03/06/2007	CĐLT-CGKL19	18	258.000	3.250.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
41	LTCGKL19A08	Nguyễn Thành	Luân	16/04/2021	CĐLT-CGKL19	18	258.000	3.250.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
42	LTCGKL19A09	Dương Hoàng Đại	Phát	16/08/2007	CĐLT-CGKL19	18	258.000	3.250.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
43	LTCNOT19A01	Lại Thế	Anh	02/12/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
44	LTCNOT19A02	Lê Thành	Công	05/12/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
45	LTCNOT19A04	Lê Đức	Dũng	20/11/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
46	LTCNOT19A05	Lê Trần Anh	Hiền	18/06/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
47	LTCNOT19A06	Phạm Đình Nhật	Hiếu	30/11/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
48	LTCNOT19A07	Nguyễn Lê Quốc	Hưng	18/06/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
49	LTCNOT19A08	Mai Gia	Huy	18/11/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
50	LTCNOT19A09	Nguyễn Trương Thanh	Khải	18/05/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
51	LTCNOT19A10	Đàm Gia	Khang	27/06/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
52	LTCNOT19A11	Nguyễn Anh	Khoa	24/10/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
53	LTCNOT19A12	Lê Minh	Khôi	25/07/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
54	LTCNOT19A13	Phạm Phước Hoàng	Lịch	07/05/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
55	LTCNOT19A15	Huỳnh Anh	Minh	01/05/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
56	LTCNOT19A16	Phạm Công Thành	Nhân	28/09/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
57	LTCNOT19A17	Mai Thành	Phát	06/05/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
58	LTCNOT19A18	Phạm Văn	Phúc	05/01/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
59	LTCNOT19A19	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	14/04/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
60	LTCNOT19A20	Võ Thành	Sâm	13/12/2006	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
61	LTCNOT19A21	Phan Thị Minh	Tâm	25/11/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
62	LTCNOT19A22	Nguyễn Thanh	Tú	14/02/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
63	LTCNOT19A23	Dương Đình	Tử	26/06/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
64	LTCNOT19A25	Nguyễn Minh	Tuấn	20/07/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
65	LTCNOT19A26	Nguyễn Hoàng Nhật	Việt	04/10/2007	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
66	LTCNOT19A27	Bùi Quang	Vũ	25/12/2005	CĐLT-CNOT19A	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
67	LTCNOT19B01	Đoàn Thành	Công	30/11/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
68	LTCNOT19B02	Đinh Văn	Cường	08/05/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
69	LTCNOT19B03	Phan Quốc	Đại	22/10/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
70	LTCNOT19B04	Trần Thành	Đạt	24/06/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
71	LTCNOT19B05	Biện Phùng Khánh	Hòa	04/03/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
72	LTCNOT19B06	Lữ Việt	Hoàng	24/11/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
73	LTCNOT19B07	Trương Xuân	Hùng	07/07/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
74	LTCNOT19B08	Nguyễn Quốc	Huy	18/03/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
75	LTCNOT19B09	Trần Trang Bảo	Huy	11/02/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
76	LTCNOT19B10	Nguyễn Dương Đình	Kha	04/07/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
77	LTCNOT19B11	Trần Quang	Khải	28/08/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
78	LTCNOT19B12	Phạm Minh	Khang	04/02/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
79	LTCNOT19B13	Võ Thanh	Khang	12/05/2006	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
80	LTCNOT19B14	Phan Lê Đăng	Khoa	18/08/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
81	LTCNOT19B15	Huỳnh Nguyên	Khôi	14/11/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
82	LTCNOT19B16	Nguyễn Hoàng	Lân	23/07/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
83	LTCNOT19B17	Cao Hoàng	Long	11/06/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
84	LTCNOT19B18	Phạm Hữu	Nghĩa	26/02/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
85	LTCNOT19B19	Lê Trường	Nhân	31/08/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
86	LTCNOT19B20	Trần Song Thiệu	Nhiên	06/09/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
87	LTCNOT19B21	Phạm Xuân	Phát	08/02/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
88	LTCNOT19B23	Hoàng Minh	Tân	02/07/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
89	LTCNOT19B24	Lê Văn	Thuận	26/05/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
90	LTCNOT19B25	Phan Minh	Tiến	25/06/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
91	LTCNOT19B26	Phan Trọng	Tín	13/01/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
92	LTCNOT19B27	Lê Tiến	Trọng	12/08/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
93	LTCNOT19B28	Nguyễn Đặng Ngọc	Tú	10/03/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
94	LTCNOT19B29	Nguyễn Ngọc	Tuấn	02/09/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
95	LTCNOT19B33	Huỳnh Quốc	Tùng	16/08/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
96	LTCNOT19B31	Phạm Bá	Việt	07/09/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
97	LTCNOT19B32	Lê Trịnh Anh	Vũ	04/06/2007	CĐLT-CNOT19B	32	252.000	5.644.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
98	LTDICN19A01	Dương Văn	An	11/06/2006	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
99	LTDICN19A02	Nguyễn Đình	Anh	19/09/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
100	LTDICN19A03	Nguyễn Tiến Đức	Chiến	27/04/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
101	LTDICN19A04	Nguyễn Trần Huy	Đan	14/09/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
102	LTDICN19A30	Ngô Thanh	Đạt	03/07/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
103	LTDICN19A05	Ngô Trí	Đạt	02/01/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
104	LTDICN19A06	Nguyễn Thành	Đạt	01/03/2006	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
105	LTDICN19A07	Phan Gia	Đạt	18/09/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
106	LTDICN19A08	Võ Nguyễn Thành	Đạt	30/08/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
107	LTDICN19A09	Hồ Dương Quốc	Hiếu	20/01/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
108	LTDICN19A10	Võ Xuân	Hội	19/08/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
109	LTDICN19A26	Nguyễn Tấn	Huy	19/10/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
110	LTDICN19A12	Phạm Võ Hoàng	Long	30/01/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
111	LTDICN19A13	Trần Đại	Long	24/10/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
112	LTDICN19A14	Trần Đức	Mạnh	05/10/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
113	LTDICN19A15	Nguyễn Đức	Nguyên	10/03/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
114	LTDICN19A16	Dương Anh	Nhất	18/12/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
115	LTDICN19A17	Nguyễn Thành Công	Nhuận	19/06/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
116	LTDICN19A18	Bùi Hoàng	Phúc	25/02/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
117	LTDICN19A19	Nguyễn Anh	Quân	20/11/2006	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
118	LTDICN19A20	Lương Xuân	Quý	05/06/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
119	LTDICN19A21	Lê Nguyễn Như	Sơn	20/07/2006	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
120	LTDICN19A22	Trần Mẫn Hội	Sơn	23/08/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
121	LTDICN19A23	Trần Trọng Thanh	Tâm	25/03/2007	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
122	LTDICN19A24	Phạm Minh	Thành	28/01/2002	CĐLT-ĐCN19	27	256.000	4.838.400	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
123	LTCNDT19A01	Nguyễn Quốc	Khánh	20/05/2007	CĐLT-ĐĐT19	18	266.000	3.351.600	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
124	LTCNDT19A02	Đieu Trọng	Khôi	04/06/2007	CĐLT-ĐĐT19	18	266.000	3.351.600	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
125	LTCNDT19A03	Trần Bảo	Minh	11/03/2007	CĐLT-ĐĐT19	18	266.000	3.351.600	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
126	LTCNDT19A04	Nguyễn Anh	Phúc	22/03/2007	CĐLT-ĐĐT19	18	266.000	3.351.600	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
127	LTCNDT19A05	Phạm Văn	Quang	11/11/2007	CĐLT-ĐĐT19	18	266.000	3.351.600	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
128	LTCNDT19A06	Nguyễn Duy	Tiến	08/02/2005	CĐLT-ĐĐT19	18	266.000	3.351.600	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
129	LTHDDL19A01	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	14/07/2007	CĐLT-HDDL19	24	199.000	3.343.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
130	LTHDDL19A02	Trương Lê Gia	Bảo	25/12/2006	CĐLT-HDDL19	24	199.000	3.343.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
131	LTHDDL19A03	Nguyễn Linh	Đang	03/01/2007	CĐLT-HDDL19	24	199.000	3.343.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
132	LTHDDL19A06	Nguyễn Gia	Hiếu	12/05/2007	CĐLT-HDDL19	24	199.000	3.343.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
133	LTHDDL19A04	Trần Nguyễn Xuân	Nhiên	21/07/2006	CĐLT-HDDL19	24	199.000	3.343.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tín chỉ	Mức học phí/tín chỉ (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G	H=F*G*70%	I
134	LTHDDL19A07	Nguyễn Vũ	Thuận	15/04/2021	CĐLT-HDDL19	24	199.000	3.343.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
135	LTHDDL19A05	Phan Thị Thùy	Trang	27/01/2004	CĐLT-HDDL19	24	199.000	3.343.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
136	LTHDDL19A08	Đặng Vũ	Khang	07/04/2005	CĐLT-HDDL19	24	199.000	3.343.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
137	LTKTML19A01	Nguyễn Quốc	Anh	04/09/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
138	LTKTML19A02	Trương Gia	Bảo	15/06/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
139	LTKTML19A04	Đặng Công	Chiến	15/09/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
140	LTKTML19A03	Nguyễn Quốc	Cường	18/10/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
141	LTKTML19A06	Phùng Trần Xuân	Hải	05/02/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
142	LTKTML19A07	Đào Công	Hiệp	11/10/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
143	LTKTML19A08	Nguyễn Trường	Huy	21/09/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
144	LTKTML19A09	Trần Anh	Khoa	07/01/2007	CĐLT-KTML19	24	246.000	4.132.800	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
145	LTKTML19A10	Đoàn Quốc	Quân	28/11/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
146	LTKTML19A11	Nguyễn Quốc	Quý	10/01/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
147	LTKTML19A12	Đinh Hữu	Thơ	05/02/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
148	LTKTML19A13	Ngô Trọng	Thuận	06/01/2007	CĐLT-KTML19	26	246.000	4.477.200	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
Tổng: 148								663.534.200	

Danh sách này có 148 sinh viên